

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2014 - 2015

Khoa : Khoa Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
1	362503	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	3625	19	TCXH1	8.08		88		840 000	840 000	
2	362548	Vũ ánh	Liên	3625	19		8.32		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
3	362553	Phạm Ngọc	Thúy	3625	19		8.58		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
4	362555	Nguyễn Hà	Thu	3625	19		8.58		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
5	362560	Nguyễn Diệu	Anh	3625	19		8.25		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
6	362561	Nguyễn Ngọc Hồng	Dương	3625	19		8.60		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
7	362565	Ngô Thị Mai	Quý	3625	19		8.48		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
8	362572	Đàm Thúy	Quỳnh	3625	19		8.33		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
9	362574	Nguyễn Phương	Thanh	3625	19		8.32		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
10	362575	Nguyễn Minh Sơn	Hà	3625	19		8.23		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
11	362576	Lê Minh Yến	Chi	3625	19		8.41		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
12	362579	Lưu Thị Lan	Anh	3625	19		8.38		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
13	362580	Trần Phan Mỹ	Hạnh	3625	19		8.39		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
14	362584	Nguyễn Hằng	Nga	3625	19		8.21		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
15	362601	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	3626	19	TCXH2	7.33		87		600 000	600 000	
16	362656	Nguyễn Thị	Ngân	3626	19		8.28		98	2 000 000		2 000 000	Giỏi
17	362660	Hà Kiều	Anh	3626	19		8.20		89	2 000 000		2 000 000	Giỏi
18	372112	Nguyễn Thị Hạnh	Ngân	3721	16		7.43		87	1 750 000		1 750 000	Khá
19	372115	Nguyễn Thị Diệu	Linh	3721	16		7.58		88	1 750 000		1 750 000	Khá
20	372122	Hoàng Lam	Trang	3721	16		7.95		87	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2014 - 2015

Khoa : Khoa Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
21	372129	Kim Thị	Tuyên	3721	16		8.11		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
22	372144	Vũ Thị Minh	Thủy	3721	16		7.48		96	1 750 000		1 750 000	Khá
23	372208	Phùng Thị Thu	Hằng	3722	16		7.71		87	1 750 000		1 750 000	Khá
24	372211	Hà Kiều	Anh	3722	16		7.77		96	1 750 000		1 750 000	Khá
25	372212	Nguyễn Diệu	Quỳnh	3722	16		7.54		96	1 750 000		1 750 000	Khá
26	372213	Trịnh Quang	Thành	3722	16		7.44		87	1 750 000		1 750 000	Khá
27	372240	Nguyễn Ngọc	Anh	3722	16		7.85		89	1 750 000		1 750 000	Khá
28	372246	Nguyễn Khánh	Ly	3722	16		7.54		98	1 750 000		1 750 000	Khá
29	382105	Nguyễn Tiến	Đạt	3821	17		7.48		97	1 750 000		1 750 000	Khá
30	382112	Nguyễn Thị Mai	Hương	3821	17		7.43		87	1 750 000		1 750 000	Khá
31	382118	Nguyễn Thị	Châm	3821	17		7.82		88	1 750 000		1 750 000	Khá
32	382124	Vũ Thị Huyền	Trang	3821	17		7.31		87	1 750 000		1 750 000	Khá
33	382125	Nguyễn Minh	Tuấn	3821	17		7.35		89	1 750 000		1 750 000	Khá
34	382148	Phạm Sơn	Tùng	3821	17		7.75		86	1 750 000		1 750 000	Khá
35	382153	Nguyễn Thu	Trang	3821	17		7.57		87	1 750 000		1 750 000	Khá
36	382155	Bùi Thị Cẩm	Vân	3821	17		7.42		87	1 750 000		1 750 000	Khá
37	382156	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	3821	17		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
38	382201	Trịnh Thị	Quyên	3822	17		7.84		89	1 750 000		1 750 000	Khá
39	382204	Nguyễn Như	Phương	3822	17		7.51		87	1 750 000		1 750 000	Khá
40	382205	Lê Thị Mai	Lâm	3822	17		7.36		88	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2014 - 2015

Khoa : Khoa Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
41	382228	Lê Bích	Ngọc	3822	17		7.76		88	1 750 000		1 750 000	Khá
42	382238	Trần Hương	Giang	3822	17		7.53		87	1 750 000		1 750 000	Khá
43	382252	Vũ Thị Thái	Thanh	3822	17		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá
44	382259	Lê Mai	Trang	3822	17		7.87		87	1 750 000		1 750 000	Khá
45	392909	Vũ Thị Hồng	Ngọc	3929	16		7.05		87	1 750 000		1 750 000	Khá
46	392910	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	3929	16		7.15		87	1 750 000		1 750 000	Khá
47	392924	Nguyễn Minh	Trang	3929	16		7.14		88	1 750 000		1 750 000	Khá
48	393032	Lê Thanh	Thủy	3930	16		7.43		88	1 750 000		1 750 000	Khá
49	393034	Nguyễn Phương	Thảo	3930	16		7.28		88	1 750 000		1 750 000	Khá
50	393039	Lê Mai	Phương	3930	16		7.07		87	1 750 000		1 750 000	Khá
		Tổng								88 250 000	1 440 000	89 690 000	

Hà Nội, Ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG

TS Phan Chí Hiếu